TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - LÀO CAI** **TỈNH LÀO CAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:59/2026/HS-ST
Ngày 11-3-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lưu Hoa Quỳnh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hà Công Thắng.

2. Ông Hoàng Đình Mùi

- Thư ký phiên tòa*:* Bà Hà Thị Mai Na - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Lào Cai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Lào Cai tham gia phiên tòa: Ông Đinh Mạnh Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 26/2026/TLST-HS ngày 22 tháng 01 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:43/2026/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 02 năm 2026 đối với bị cáo:

Lò Văn T (tên gọi khác: Không), sinh ngày 29/9/1990 tại tỉnh Lào Cai (tỉnh Yên Bái cũ); số định danh cá nhân/ CCCD: 0150xx; nơi thường trú và nơi ở hiện nay: Thôn N, xã G, tỉnh Lào Cai; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 08/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lò Văn Y và bà Hà Thị P; có vợ là Hà Thị M và 03 con (con lớn nhất sinh năm 2012, con nhỏ nhất sinh năm 2024); tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại, hiện đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo*: Bà **Nguyễn Thị Hoa** - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung T Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lào Cai. Có mặt.

- *Nguyên đơn dân sự:*

+ **Ban quản lý rừng phòng hộ (BQLRPH) M1**, **tỉnh Lào Cai**, địa chỉ: Thôn N, xã P, tỉnh Lào Cai.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Tư Kh**- Giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông **Nguyễn Hùng S**- Phó Giám đốc. Có mặt.

+ **Ủy ban nhân dân (UBND) xã G, tỉnh Lào Cai**, địa chỉ: Thôn N1, xã G, tỉnh Lào Cai.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Hoàng Lê H** - Chủ tịch UBND xã G, tỉnh Lào Cai.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Hà Văn H1**- Phó Chủ tịch UBND xã G. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông **Mùa A Ch**, sinh năm 1971, địa chỉ: Thôn N, xã G, tỉnh Lào Cai. Có mặt.

+ Ông **Lò Văn P2**, sinh năm 1972, địa chỉ: Thôn N, xã G, tỉnh Lào Cai. Có mặt.

- *Những người làm chứng:*

+ Anh **Hờ A S2**, sinh năm 1990, địa chỉ: Thôn Pú Cang, xã P, tỉnh Lào Cai. Có mặt.

+ Chị **Lý Thị S3**, sinh năm 1990, địa chỉ: Thôn P4, xã P, tỉnh Lào Cai. Có mặt.

+ Chị **Hà Thị M**, sinh năm 1993, địa chỉ: Thôn N, xã G, tỉnh Lào Cai. Có mặt.

- *Người phiên dịch tiếng Mông*: Ông **Lý A** , sinh năm 1988, địa chỉ thôn T, xã P, tỉnh Lào Cai. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần đất để canh tác, trồng chè nên trong khoảng tháng 8/2025, Lò Văn T nảy sinh ý định thuê người phát, phá diện tích rừng sản xuất loại rừng tự nhiên hỗn giao gỗ - vầu tại lô 4 và lô 5, khoảnh 2, tiểu khu 434 thuộc Thôn N, xã G, tỉnh Lào Cai. T đã hỏi thuê Mùa A Ch nhưng Ch bận việc nên đã giới thiệu Hờ A S2 cho T, T liên hệ với S2 nói muốn thuê S2 phát, phá diện tích rừng của gia đình để trồng cây khác, S2 đồng ý, T dẫn S2 đến khu vực rừng nêu trên, rồi dùng dao chặt, tạo dấu trên hai thân cây gỗ lớn để xác định mốc giới và chỉ dẫn S2 phát, phá từ vị trí đã đánh dấu mốc đến vị trí tiếp giáp bờ suối và giáp đồi chè nhà anh Hoàng Văn Th. Do không biết vị trí phát, phá được thuê là rừng sản xuất nên S2 đồng ý và thỏa thuận với T phát, phá xong sẽ lấy tiền công là 4.000.000 đồng. Sau đó, Hờ A S2 và vợ là Lý Thị S3 dùng 02 con dao phát và 01 con dao chặt mượn của Mùa A Ch tiến hành phát, phá khu vực rừng do T đã chỉ dẫn trước đó, hình thức là chặt bỏ toàn bộ cây nhỏ, cây bụi chỉ để lại những cây gỗ to không thể dùng dao chặt hạ được, quá trình phát, phá thì T có lên xem, kiểm tra. Sau khoảng 2,5 ngày thì vợ chồng S2 chặt, phá xong diện tích rừng theo yêu cầu của T. Lò Văn T đã bảo Hà Thị M (vợ T) thanh toán tiền công 4.000.000 đồng S2, số tiền này vợ chồng S2 đã chi tiêu hết. Ngày 12/8/2025 Ban Quản lý rừng phòng hộ M1 và tổ công tác của UBND xã G, tỉnh Lào Cai kiểm tra, phát hiện hành vi phá rừng nêu trên của T.

Hạt Kiểm lâm khu vực V- T - N xác định khu đất tại tiểu khu 434, khoảnh 2, lô 4+lô 5, thuộc địa phận Thôn N, xã G, tỉnh Lào Cai là rừng sản xuất, tổng diện

tích 6.168 m^2, trong đó: Diện tích rừng sản xuất do BQLRPH M1 quản lý là 2.000 m^2; diện tích rừng sản xuất do UBND xã G quản lý là 4.168 m^2.

* Tại Kết luận giám định tư pháp trong lĩnh vực lâm nghiệp số: 01-2025/KL/TCGD ngày 14/10/2025 của Tổ chức giám định tư pháp Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Lào Cai kết luận: Các gốc cây gỗ bị chặt phá là cây rừng tự nhiên, như: Muồng, Hu, Xoan Nhừ, Vải rừng, Đỏ ngọn, Ba soi, Giẻ đỏ,... và cây Vầu; các gốc cây gỗ (vầu) bị chặt có đường kính gốc từ 01cm đến 15cm; các thân cây gỗ (vầu) bị chặt không còn nguyên vẹn, đã bị cắt thành các lóng khúc vứt rải rác tại hiện trường, trong đó một phần gỗ (vầu) đã bị đưa ra khỏi hiện trường; các cây đứng còn tại hiện trường có chiều cao vút ngọn từ 03m đến 10m, đường kính từ 02cm đến 22,5cm sinh trưởng, phát triển bình thường.

1. Vị trí, ranh giới, lô, khoảnh, tiểu khu; địa danh hành chính diện tích rừng chặt phá:

- Vị trí, ranh giới diện tích rừng bị chặt phá thuộc lô 4 và lô 5, khoảnh 2, tiểu khu 434, thôn Nậm Cướm xã G, tỉnh Lào Cai.

- Vị trí tiếp giáp diện tích rừng bị chặt phá:

+ Phía Đông tiếp giáp khoảnh 2, tiểu khu 430 thuộc đất lâm nghiệp quy hoạch cho sản xuất do UBND xã G quản lý.

+ Phía Tây tiếp giáp khoảnh 2, tiểu khu 438 thuộc đất lâm nghiệp quy hoạch cho sản xuất do Ban QLRPH M1 quản lý.

+ Phía Nam tiếp giáp khoảnh 2, tiểu khu 443, đất lâm nghiệp quy hoạch cho sản xuất do UBND xã G quản lý.

+ Phía Bắc tiếp giáp khoảnh 1, tiểu khu 434, đất lâm nghiệp quy hoạch cho sản xuất do UBND xã G quản lý.

2. Loại rừng, chức năng rừng, chủ quản lý diện tích rừng chặt phá: Loại rừng bị chặt phá tại lô 4 và lô 5, khoảnh 2, tiểu khu 434, Thôn N, xã G, tỉnh Lào Cai là rừng tự nhiên hỗn giao gỗ - vầu, chức năng sản xuất, chủ quản lý thuộc Ban quản lý rừng phòng hộ M1 tỉnh Lào Cai quản lý 0,2 ha; UBND xã G quản lý 0,4168 ha.

3. Xác định diện tích rừng bị chặt phá? Trữ lượng lâm sản thiệt hại trên diện tích rừng chặt phá - Diện tích có các cây rừng bị chặt phá là: 0,6168 ha.

- Căn cứ theo hồ sơ, tài liệu và bản đồ hiện trạng rừng tại các Quyết định của UBND tỉnh Yên Bái và UBND huyện Văn Chấn về việc công bố hiện trạng rừng huyện Văn Chấn (cũ), năm 2024 xác định trữ lượng lâm sản bị thiệt hại tại lô 4 và lô 5, khoảnh 2, tiểu khu 434 là 10m^3 đến 50m^3.

- Tổng số gốc cây gỗ - vầu bị chặt và số cây gỗ chưa bị chặt tại hiện trường là 2.275 cây, trong đó: Số gốc cây gỗ - vầu bị chặt phá chỉ còn gốc là 2.129 cây (1.179 cây gỗ và 950 cây vầu) được phân bố đồng đều trên toàn bộ diện tích rừng bị chặt phá; số cây gỗ chưa bị chặt phá là 146 cây đang sinh trưởng, phát triển bình thường. Tuy nhiên, do hiện trường tại thời điểm giám định đã bị thay xáo trộn, các thân cây gỗ - vầu bị chặt không còn nguyên vẹn, đã bị cắt thành lóng khúc dạng củi vứt rải rác tại hiện trường, trong đó một phần lâm sản gỗ - vầu đã đưa ra khỏi hiện trường.

Vì vậy không có đủ căn cứ để xác định cụ thể trữ lượng lâm sản bị thiệt hại trên diện tích rừng bị chặt phá.

Kết luận định giá tài sản số: 09/KL-HĐĐGTS ngày 08/10/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự UBND phường Yên Bái xác định giá trị tài sản bị thiệt hại theo diện tích rừng 0,6168 ha (6.168 m^2) đã kết luận: Giá trị thiệt hại 2.109 cây gỗ tương đương trữ lượng gỗ 17,21 m^3 thuộc nhóm V, VI, VII, VIII và vầu (Được ghi nhận tại biên bản khám nghiệm hiện trường lập ngày 28/9/2025; Biểu phân loại tổng hợp kèm theo và biên bản làm việc ngày 02/10/2025 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lào Cai) là 16.567.864 đồng.

Thực hiện công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện trách nhiệm bảo vệ rừng, BQLRPH huyện M1 (nay là BQLRPH M1, tỉnh Lào Cai) đã ký hợp đồng khoán bảo vệ rừng với Cộng đồng dân cư Thôn N, xã Nậm Búng, tỉnh Yên Bái (nay là Cộng đồng dân cư Thôn N, xã G, tỉnh Lào Cai), người đại diện ông Lò Văn P2- Bí thư chi bộ thôn.

Đại diện UBND xã G, tỉnh Lào Cai yêu cầu bị cáo Lò Văn T bồi thường thiệt hại về lâm sản là: 11.195.664 đồng. Đại diện BQLRPH M1, tỉnh Lào Cai bị cáo Lò Văn T bồi thường thiệt hại về lâm sản là: 5.372.200 đồng.

Ngày 24/12/2025 tại Cơ quan điều tra Lò Văn T tự nguyện giao nộp tại số tiền 16.568.000 đồng để bồi thường thiệt hại.

Tại bản Cáo trạng số: 78/CT-VKS - KV4 ngày 21/01/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Lào Cai đã truy tố bị cáo Lò Văn T về tội "Hủy hoại rừng" theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 243 của Bộ luật hình sự; các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự "Người phạm tội tự nguyện bồi thường thiệt hại; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải".

Tại phiên tòa:

Kiểm sát viên trình bày lời luận tội và giữ nguyên quan điểm như bản cáo trạng đã truy tố, đồng thời đề nghị áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS do bị cáo xuất trình tài liệu được UBND xã G xác nhận bị cáo có 03 con nhỏ dưới 15 tuổi, bị cáo và vợ không có công ăn việc làm, gia đình có nhiều khó khăn. Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) tuyên bố bị cáo Lò Văn T phạm tội "Hủy hoại rừng", áp dụng điểm b khoản 1 Điều 243; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 của BLHS. Xử phạt bị cáo Lò Văn T từ 01 năm 06 tháng tù đến 02 năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 03 đến 04 năm; không áp dụng hình phạt bổ sung; về trách nhiệm dân sự: đề nghị ghi nhận việc bị cáo đã phải bồi thường thiệt hại theo yêu cầu của nguyên đơn dân sự; về xử lý vật chứng: Trả lại 03 con dao cho Mùa A Ch; về án phí bị cáo là người dân tộc thiểu số sống tại vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn đề nghị miễn án phí cho bị cáo; tuyên quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình, không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát, lời nói sau cùng đề nghị xin giảm nhẹ hình phạt, đề nghị miễn án phí.

Người bào chữa cho bị cáo cơ bản nhất trí với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo và các vấn đề

khác trong vụ án. Về mức hình phạt đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo 01 năm 06 tháng tù cho hưởng án treo, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo, đề nghị miễn án phí cho bị cáo.

Đại diện UBND xã G, tỉnh Lào Cai yêu cầu bị cáo Lò Văn T bồi thường thiệt hại là: 11.195.664 đồng, ngoài ra không yêu cầu bồi thường gì khác.

Đại diện BQLRPH M1, tỉnh Lào Cai bị cáo Lò Văn T bồi thường thiệt hại là 5.372.200 đồng ngoài ra không yêu cầu bồi thường gì khác.

Ông Lò Văn P2 đề nghị HĐXX giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Ông Mùa A Ch đề nghị nhận lại tài sản là 03 con dao đã cho Hờ A S2 mượn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến và không khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong việc truy tố bị cáo đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của người làm chứng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, kết luận giám định tư pháp; kết luận định giá tài sản và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa nên có đủ cơ sở để kết luận: Do cần đất canh tác, trồng cây chè nên trong khoảng thời gian tháng 8/2025, Lò Văn T đã thuê Hờ A S2 dùng dao đến phát, phá rừng sản xuất thuộc lô 4 và lô 5, khoảnh 2, tiểu khu 434, Thôn N, xã G, tỉnh Lào Cai, tổng diện tích rừng bị phát, phá là 0,6168 ha (6.168 m^2) trong đó: 0,2 ha (2.000 m^2) thuộc diện tích do Ban Quản lý rừng phòng hộ M1, tỉnh Lào Cai quản lý; 0,4168 ha do UBND xã G, tỉnh Lào Cai quản lý. Hành vi trên của T đã gây thiệt hại về lâm sản là 2.109 cây gỗ tương đương trữ lượng gỗ 17,21 m^3 thuộc nhóm V, VI, VII, VIII và vầu có tổng giá trị là 16.567.864 đồng. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi phát, phá rừng trái phép là vi phạm pháp luật nhưng vì mục đích có đất trồng cây chè nên vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của bị cáo đã phạm tội "Hủy hoại rừng" với tình tiết định khung "Rừng sản xuất có diện tích từ 5.000 mét vuông (m^2) đến dưới 10.000 (m^2)" theo điểm b khoản 1 Điều 243 BLHS. Do đó, Cáo trạng truy tố và lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, được HĐXX chấp nhận.

Hành vi của bị cáo gây nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chế độ quản lý, bảo vệ rừng của Nhà nước, gây ảnh hưởng xấu đến môi trường sinh thái, gây khó khăn cho công tác quản lý, bảo vệ, phát triển rừng của Nhà nước và trật tự quản lý kinh tế trong lĩnh vực lâm nghiệp tại địa phương. Nên cần thiết phải xử lý bị cáo theo quy định của pháp luật nhằm giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên toà, bị cáo đã thành khẩn khai báo đầy đủ, rõ ràng về hành vi phạm tội của mình, sau khi phạm tội đã tự nguyện giao nộp đầy đủ số tiền thiệt hại; bị cáo có 03 con nhỏ dưới 15 tuổi và bị cáo và vợ không có công ăn việc làm, gia đình khó khăn được UBND xã G xác nhận đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự "Người phạm tội tự nguyện bồi thường thiệt hại", "Người phạm tội thành khẩn khai báo" được quy định tại các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của BLHS được áp dụng cho bị cáo.

Về nhân thân: Bị cáo không có tiền án, tiền sự, ngoài hành vi vi phạm bị truy tố đều chấp hành đầy đủ nghĩa vụ công dân thể hiện bị cáo là người có nhân thân tốt.

[4] Từ những nhận xét, đánh giá về tính chất, mức độ gây nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo và căn cứ vào các quy định của pháp luật hình sự. HĐXX thấy bị cáo là người có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, cũng có thể giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, đồng thời cũng thể hiện tính khoan hồng, nhân đạo của Đảng và Nhà nước trong pháp luật hình sự. Nhưng cũng cần phải áp dụng mức hình phạt tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo để có tác dụng răn đe giáo dục đối với bị cáo. Đối với mức hình phạt đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Lào Cai đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 03 đến 04 năm. Người bào chữa cho bị cáo cũng đề nghị cho bị cáo được hưởng án treo. Xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và ý kiến của người bào chữa phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về hình phạt bổ sung: Tại biên bản xác minh và tại phiên tòa thể hiện bị cáo bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định, không có tài sản riêng có giá trị. Do vậy, không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Đại diện UBND xã G, tỉnh Lào Cai yêu cầu bị cáo Lò Văn T bồi thường giá trị tài sản lâm sản bị thiệt hại là: 11.195.664 đồng, Đại diện BQLRPH M1, tỉnh Lào Cai yêu cầu bị cáo Lò Văn T bồi thường giá trị tài sản lâm sản bị thiệt hại 5.372.200 đồng, ngoài ra không yêu cầu bồi thường gì khác. Ngày 24/12/2025 bị cáo Lò Văn T đã nộp bồi thường đủ số tiền 16.568.000 đồng. Do vậy, HĐXX cần xác nhận việc bị cáo đã bồi thường xong thiệt hại cho các đơn vị quản lý rừng.

[7] Về xử lý vật chứng, tài sản tạm giữ:

Đối với số tiền 16.568.000 đồng do bị cáo tự nguyện giao nộp ngày 24/12/2025, hiện đang được lưu giữ tại tài khoản của Thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai. Xét thấy đây là khoản tiền dùng để bồi thường thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra, dùng để thanh toán nghĩa vụ bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

01 con dao chặt (dao mèo), có tổng chiều dài là 45,5cm; 01 con dao phát, có tổng chiều dài 106cm; 01 con dao phát, có tổng chiều dài là 142cm. Quá trình điều tra xác định các công cụ này là tài sản hợp pháp của ông Mùa A Ch, cho Hờ A S2 mượn sử dụng. Ông Ch không biết và không tham gia vào việc phát, phá rừng; không biết khu vực bị phát, phá là rừng sản xuất. Xét thấy đây là công cụ lao động thông thường, chủ sở hữu hợp pháp không có lỗi trong việc để tài sản bị sử dụng vào hành vi phạm tội. Do đó, HĐXX quyết định trả lại các tài sản nêu trên cho ông Mùa A Ch.

Đối với số lâm sản bị chặt hạ tại diện tích rừng bị phát phá. Quá trình điều tra xác định phần lớn cây gỗ, cây vầu đã bị lấy đi, không xác định được nguyên nhân, đối tượng và thời gian lấy đi nên không thu hồi được. Đối với số lâm sản còn lại tại hiện trường có khối lượng không đáng kể, đồng thời để bảo đảm điều kiện tái sinh tự nhiên của rừng, cơ quan chức năng không tiến hành thu gom, vận chuyển. Vì vậy, không đặt ra việc xem xét, xử lý trong vụ án này.

[8] Về vấn đề khác:

Đối với Hờ A S2 và Lý Thị S3 là những người được Lò Văn T thuê đi phát, phá rừng, Hà Thị M là người thanh toán tiền công phát phá cho Hờ A S2. Kết quả điều tra xác định Hờ A S2 và Lý Thị S3 không biết diện tích rừng nêu trên là rừng sản xuất do Nhà nước quản lý, không nhận thức được hành vi phát, phá rừng là trái pháp luật; giữa các bên chỉ là quan hệ thuê mướn lao động mang tính chất dân sự, S2 và S3 thực hiện công việc theo sự chỉ đạo và được T trả tiền công, không có sự bàn bạc, thống nhất ý chí thực hiện tội phạm. Hà Thị M là vợ của T, M chỉ thực hiện việc thanh toán tiền công cho S2 theo yêu cầu của chồng, không tham gia bàn bạc, không biết việc Lò Văn T có hành vi hủy hoại rừng. Do đó, Cơ quan điều tra không xem xét xử lý hình sự đối với S2, S3 và M là phù hợp với quy định pháp luật.

Đối với Mùa A Ch, quá trình điều tra xác định Ch là chủ sở hữu 03 con dao và có cho Hờ A S2 mượn sử dụng; Ch không biết, không tham gia thực hiện hành vi phát, phá rừng trái pháp luật. Do vậy, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với Mùa A Ch là phù hợp với quy định pháp luật.

Đối với Lò Văn P2 - Bí thư Chi bộ thôn, đại diện Cộng đồng dân cư Thôn N, ký hợp đồng khoán bảo vệ rừng với Ban Quản lý rừng phòng hộ huyện M1 (nay là Ban Quản lý rừng phòng hộ M1, tỉnh Lào Cai). Quá trình điều tra xác định, ông Pầng thực hiện đúng công tác kiểm tra, giám sát theo chức trách, theo hợp đồng khoán.

[9] Về án phí: Bị cáo tự nguyện nộp tiền bồi thường thiệt hại trước khi mở phiên tòa thì không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền tự nguyện nộp. Bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống tại vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn thuộc trường hợp được miễn án phí, tại phiên tòa bị cáo, người bào chữa đề nghị xin được miễn án phí hình sự sơ thẩm, nên HĐXX chấp nhận miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lò Văn T phạm tội "Hủy hoại rừng".

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 243; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lò Văn T 02 (hai) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 (bốn) năm, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Lò Văn T cho Ủy ban nhân dân xã G, tỉnh Lào Cai giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc thì cơ quan, tổ chức giám sát, giáo dục thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 2 Điều 584, Điều 585; Điều 589 của Bộ luật Dân sự. Buộc bị cáo Lò Văn T phải bồi thường thiệt hại cho UBND xã G số tiền 11.195.664 đồng (Mười một triệu một trăm chín mươi lăm nghìn sáu trăm sáu mươi tư đồng) và bồi thường cho Ban quản lý rừng phòng hộ M1 số tiền 5.372.200 đồng (Năm triệu ba trăm bảy mươi hai nghìn hai trăm đồng). Xác nhận ngày 24/12/2025 Lò Văn T đã nộp số tiền 16.568.000 đồng đang được lưu giữ tại tài khoản của Thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai để đảm bảo thi hành án theo quy định.

3. Về xử lý vật chứng, tài sản tạm giữ: Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Trả lại cho Mùa A Ch 01 con dao chặt (dao mèo), có tổng chiều dài là 45,5cm; 01 con dao phát, có tổng chiều dài 106cm; 01 con dao phát, có tổng chiều dài là 142cm.

Đối với số tiền 16.568.000 đồng do bị cáo đã nộp và đang được lưu giữ tại tài khoản của Thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai: tiếp tục quản lý để bảo đảm thi hành án; sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, giao Cơ quan thi hành án dân sự xử lý, thanh toán cho UBND xã G và Ban Quản lý rừng phòng hộ M1 theo quyết định của bản án.

(*Theo biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 02/3/2026 giữa cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lào Cai và phòng Thi hành án dân sự khu vực 4- Lào Cai, tỉnh Lào Cai).*

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm g khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật tố tụng Hình sự:

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

UBND xã G, tỉnh Lào Cai; Ban quản lý rừng phòng hộ M1, tỉnh Lào Cai có quyền kháng cáo bản án về phần bồi thường thiệt hại trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lưu Hoa Quỳnh

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND khu vực 4- Lào Cai ;
- VKSND tỉnh Lào Cai;
- Cơ quan CSĐT, CA tỉnh Lào Cai;
- Phòng HS Nghiệp vụ, CA tỉnh Lào Cai;
- THADS khu vực 4- Lào Cai;
- Bị cáo; Người bào chữa;
- Nguyên đơn dân sự;
- Người có QL, NVLQ;
- THA Hình sự;
- UBND xã G;
- Lưu hồ sơ vụ án.